

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-03-2024

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1988; cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Đức T, sinh năm 1982; cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái L trình bày: Chị và anh Cao Đức T kết hôn vào ngày 12 tháng 4 năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa chị và anh T có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa chị và anh T không còn phù hợp với nhau về tính cách, luôn

bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến chị và anh **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi với nhau, vì thương các con nên chị cố gắng níu kéo tình cảm. Thời gian gần đây tình trạng mâu thuẫn giữa chị và anh **T** xảy ra thường xuyên, anh **T** không có trách nhiệm với gia đình, nên không thể nào hàn gắn tình cảm. Nay chị và anh **T** không còn tình cảm gì với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh **Cao Đức T**.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung là **Cao Nguyễn Quang H**, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2011 và **Cao Nguyễn Duy T1**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013. Nay ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con **Cao Nguyễn Duy T1** và giao cho anh **Cao Đức T** nuôi dưỡng **Cao Nguyễn Quang H**. Chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung của vợ chồng chị. Hiện nay chị và anh **T** không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh **Cao Đức T** tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **Cao Đức T** không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ái L**, cho chị **Nguyễn Thị Ái L** được ly hôn với anh **Cao Đức T**; giao con chung của chị **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Đức T** là cháu **Cao Nguyễn Duy T1**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013 cho chị **L** trực tiếp nuôi; giao cháu **Cao Nguyễn Quang H**, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2011 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Đức T2** đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Đức T** không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ái L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh **Cao Đức T** cư trú tại **thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Cao Đức T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh **Cao Đức T**.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Đức T** kết hôn vào ngày 12 tháng 04 năm 2010 có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01. Việc kết hôn giữa chị **L** và anh **T** tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị **L** và anh **T** là hợp pháp. Chị **Nguyễn Thị Ái L** yêu cầu ly hôn với anh **Cao Đức T** vì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa chị và anh **T** không còn phù hợp với nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến chị và anh **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi với nhau; anh **T** không có trách nhiệm với gia đình. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **T** để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng chị **L** và anh **T**, nhưng anh **T** không đến Tòa để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh **T** tiếp tục vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị **L** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho chị **L** được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Đức T** có 02 người con chung là cháu **Cao Nguyễn Quang H**, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2011 và cháu **Cao Nguyễn Duy T1**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013. Chị **Nguyễn Thị Ái L** yêu cầu giao cháu **Cao Nguyễn Duy T1** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Cao Nguyễn Quang H** cho anh **T** nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị **L** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T1**; cháu **T1** có nguyện vọng ở với chị **L**; anh **T** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H**, cháu **H** có nguyện vọng ở với anh **T**. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu **H** và cháu **T1**, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu **T1** cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và cháu **H** cho anh **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị **L** và anh **T** đều không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Chị **L** và anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị **L** và anh **T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **L** và anh **T**. Khi cần thiết chị **L** và anh **T** đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Thanh T3** đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ái L** phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ái L**.**

**2. Về quan hệ hôn nhân:**

**2.1. Cho chị **Nguyễn Thị Ái L** ly hôn với anh **Cao Đức T**.**

**2.2. Quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Ái L** và anh **Cao Đức T** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T,**

thành phố Q, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 12 tháng 4 năm 2010 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

### 3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T là cháu Cao Nguyễn Duy T1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Ái L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; hiện nay chị Nguyễn Thị Ái L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Giao cháu Cao Nguyễn Quang H, sinh ngày 09 tháng 06 năm 2011 cho anh Cao Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; hiện nay anh Cao Đức T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

3.2. Chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T. Khi cần thiết chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ái L và anh Cao Đức T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ái L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ái L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001411 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 05 tháng 3 năm 2024). Bị đơn anh Cao Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**Văn Công Minh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**